

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: PARAFIN RẮN (PARAFFIN WAX)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất: Parafin rắn
- Mã CAS: 8002-74-2
- Tên khác: Sáp parafin, paraffin wax
- Sử dụng đã định: Nền, chất chống thấm, mỹ phẩm, khuôn mẫu, chất bôi trơn
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:
Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS: Không phân loại là hóa chất nguy hiểm
- Từ cảnh báo: Không áp dụng
- Câu cảnh báo nguy hiểm: Không đáng kể trong điều kiện sử dụng thông thường
- Câu phòng ngừa:
 - P210: Tránh nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở
 - P264: Rửa tay sau khi thao tác
 - P280: Mang găng tay, kính bảo hộ khi thao tác lượng lớn hoặc nóng chảy

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần: Paraffin wax
- Mã CAS: 8002-74-2
- Tỷ lệ: >95%
- Phân loại: Không nguy hại

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí nếu tiếp xúc với khói từ parafin nóng chảy
- Tiếp xúc da: Làm nguội vùng da nếu bị bỏng, không bóc lớp sáp dính, tham khảo ý tế
- Tiếp xúc mắt: Rửa mắt bằng nước sạch ít nhất 15 phút, tham khảo bác sĩ nếu cần
- Nuốt phải: Nếu số lượng nhỏ: súc miệng, không gây nôn. Tham khảo ý kiến y tế nếu có triệu chứng
- Triệu chứng: Có thể gây kích ứng nhẹ khi hít phải khói nóng; bỏng nếu tiếp xúc parafin nóng chảy

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy: Bột, CO₂, bột khô, nước phun sương (không dùng tia mạnh)
- Nguy cơ cháy nổ: Parafin nóng chảy dễ cháy, khói cháy có thể chứa hydrocacbon độc
- Bảo hộ khi chữa cháy: Mặc đồ bảo hộ kín và mặt nạ thở

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân: Tránh trượt ngã do sáp chảy, tránh tiếp xúc parafin nóng
- Biện pháp môi trường: Không xả vào cống thoát nước
- Phương pháp làm sạch: Thu gom bằng dao cạo/plastic sau khi nguội, dùng khăn hoặc cát để thấm phần dư

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng an toàn: Tránh làm nóng quá mức, sử dụng nơi thông thoáng
- Bảo quản: Nơi khô ráo, tránh nhiệt độ cao, ánh nắng trực tiếp
- Không tương thích: Chất oxy hóa mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Giới hạn phơi nhiễm: Không có quy định cụ thể
- Trang bị bảo hộ:
 - Hồ hấp: Không cần thiết nếu thông thoáng; dùng khẩu trang nếu có khói
 - Tay: Găng tay chịu nhiệt nếu xử lý sáp nóng
 - Mắt: Kính bảo hộ khi gia nhiệt
 - Da: Quần áo bảo hộ khi đun nóng

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- Trạng thái: Rắn (sáp)
- Màu sắc: Trắng ngà / trắng trong
- Mùi: Nhẹ, đặc trưng
- Điểm nóng chảy: ~46–68°C (tùy loại)
- Độ tan: Không tan trong nước, tan trong dầu và dung môi hữu cơ

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Tính ổn định: Ổn định trong điều kiện thông thường
- Điều kiện tránh: Nhiệt độ cao, ngọn lửa trực tiếp
- Chất không tương thích: Oxy hóa mạnh
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: CO, CO₂, hydrocarbon không cháy hết

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- Độc tính cấp tính: LD50 đường uống > 5000 mg/kg (chuột)
- Tác động: Không độc hại đáng kể khi sử dụng đúng cách; có thể gây kích ứng nhẹ khi hít khói nóng

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Độc tính sinh học: Tác động thấp đến môi trường
- Phân hủy sinh học: Có thể phân hủy chậm
- Tích lũy sinh học: Không đáng kể
- Ảnh hưởng môi trường: Không đổ ra nguồn nước hoặc đất

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- Xử lý chất thải: Thu gom như rác thải không nguy hại nếu chưa nhiễm bẩn
- Bao bì: Tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định môi trường

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- UN number: Không phân loại là hàng nguy hiểm
- Nhóm đóng gói: Không áp dụng
- Nhãn vận chuyển: Không yêu cầu
- Phân loại nguy hiểm: Không nguy hiểm

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- Quy định Việt Nam: Theo Thông tư 04/2012/TT-BCT
- Quy định quốc tế: Không phân loại nguy hiểm theo GHS

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày cập nhật SDS: 04/07/2025
- Tài liệu tham khảo: GHS, TCVN 9487:2012, PubChem, ECHA, MSDS Sigma-Aldrich
- Ghi chú:

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế